

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 497/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TP.HỒ CHÍ MINH**

***Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Yến Ngọc

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Ông Phạm Văn Chính

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 430/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Tố D, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: abc ấp VH, xã TC, huyện H, TPHCM.

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ik ấp MH 2, xã XTĐ, huyện H, TP.HCM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2020, Bản tự khai ngày 19/5/2020, Biên không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn ngày 19/5/2020, Biên bản hòa giải không thành ngày 04/6/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Tố D trình bày:

Năm 2011, bà và ông Nguyễn Thành C tự nguyện tìm hiểu, thương nhau và quyết định xây dựng hạnh phúc gia đình, sau đó đôi bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XTĐ, huyện H, TPHCM ngày 29/4/2011. Sau khi kết hôn bà và ông C sống tại nhà chồng, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông C ham mê cá độ đá banh, gây nợ nần nhiều lần bà phải trả nợ thay. Bà D khuyên can không có kết quả. Chính vì vậy vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không còn quan điểm chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình, đôi bên không còn tin tưởng và không quan tâm đến đời sống của nhau dẫn đến đời sống hôn

nhân không được hạnh phúc. Tháng 8/2018, bà D và con gái về sống cùng mẹ ruột của bà D tại ấp VH, xã TC, huyện H đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không còn có khả năng hàn gắn vì bà D không còn tình cảm yêu thương vợ chồng với ông C nên bà D cương quyết ly hôn với ông C để ổn định tinh thần và cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 25/3/2012. Sau ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2020, Biên bản hòa giải không thành ngày 04/6/2020, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/6/2020 bị đơn ông Nguyễn Thành C trình bày:

Năm 2011, ông C và bà D tự nguyện tìm hiểu và quyết định xây dựng hạnh phúc gia đình, có đăng ký kết hôn tại xã XTĐ, huyện H, TP.HCM theo quy định. Sau khi kết hôn xong, vợ chồng sống ở nhà cha mẹ ruột của ông tại số ik ấp MH 2, xã XTĐ, huyện H, TP.HCM. Theo ông C mâu thuẫn giữa ông và bà D xảy ra do bản thân ông cá độ đá banh, sau đó thì bà D bỏ về nhà mẹ ruột ở từ 2018 đến nay. Bản thân ông cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D vì còn thương vợ nhưng từ khi bỏ về nhà mẹ ruột ở đến nay bà D không cho ông cơ hội tiếp xúc, hàn gắn và có động thái chặn tất cả các cuộc gọi từ ông. Ông C cho rằng mâu thuẫn giữa ông và bà D không đến mức phải ly hôn, mặt khác ông là người theo đạo thiên chúa, không muốn con thấy cảnh cha mẹ ly tán và ông còn rất thương bà D nên không đồng ý ly hôn, ông mong muốn hàn gắn gia đình với bà D để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 25/3/2012. Nếu ly hôn, ông không đồng ý để bà D nuôi con chung. Ông yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành hòa giải để hai bên đương sự trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Tố D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thành C, quan hệ tranh chấp giữa bà D và ông C là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014. Bị đơn là ông Nguyễn Thành C hiện cư trú tại ik ấp MH 2, xã XTĐ, huyện H, TP.HCM nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: giữa bà Trần Thị Tố D và ông Nguyễn Thành C:

Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà D vẫn cương quyết xin ly hôn với ông C do không còn tình yêu thương vợ chồng với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy Bà D, ông C tự nguyện kết hôn, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã XTĐ, huyện H, TP.HCM ngày 29/4/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo điều 08, điều 09 của Luật hôn nhân gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông C, Tòa án nhân dân huyện H căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết. Xét thấy, hai bên có thời gian chung sống từ năm 2011 đến năm 2018 thì ly thân, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do sau khi cưới được một thời gian bà D phát hiện ông C ham mê cá độ đá banh khiến bà phải trả nợ thay nhiều lần. Điều này dẫn đến vợ chồng thường xuyên căng thẳng, bà D mất niềm tin vào chồng dẫn đến đời sống hôn nhân không được hạnh phúc. Mặc dù ông C xin đoàn tụ do còn thương vợ và là người theo đạo thiên chúa không đồng ý ly hôn nhưng bà D không đồng ý đoàn tụ mà vẫn cương quyết xin ly hôn nên hòa giải đoàn tụ của Tòa án không có kết quả. Thiện chí muốn hàn gắn gia đình của bà D thể hiện vào các ngày 11/9/2018 và ngày 26/12/2019 bà D nộp đơn ly hôn với ông C nhưng do Tòa án hòa giải nên cả hai lần bà D đều rút đơn khởi kiện ly hôn để cho hai bên có cơ hội hàn gắn gia đình. Sau đó Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án để đôi bên đoàn tụ nhưng không thể hàn gắn được do bà D đã không còn tình cảm với ông C và không còn tin tưởng vào sự thay đổi nơi chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông C theo quy định.

Đối với yêu cầu xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn của bị đơn ông Nguyễn Thành C: Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn xin hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình với nguyên đơn do còn yêu thương vợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Tòa án đã tiến hành thụ lý, hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả do nguyên đơn vẫn cương quyết xin ly hôn. Mặt khác, ông C không có phương hướng để đoàn tụ gia đình và làm thay đổi quyết định xin ly hôn của nguyên đơn từ năm 2018 đến nay. Điều này thể hiện ở việc Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án hai lần do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện ly hôn nhưng vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở cho rằng mâu thuẫn trong hôn nhân của đôi bên là rất trầm trọng, tình yêu thương vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của bị đơn. Tại buổi hòa giải ngày 04/6/2020, sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn xác định vẫn giữ nguyên ý kiến nhưng do bận đi làm không

thể tham gia phiên tòa xét xử ngày 19/6/2020 như tòa án ấn định nên có đơn xin vắng mặt tại buổi xét xử hôn nhân với bà D. Xét thấy yêu cầu này của bị đơn không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu vắng mặt của bị đơn và vẫn tiến hành tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn nguyện vọng và theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà D và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 25/3/2012. Quá trình giải quyết vụ án, đôi bên có sự tranh chấp về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con.

+ Về nguyện vọng của con chung: Tòa án có tiến hành thu thập lời khai ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của trẻ Ngân theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tại bản tự khai ngày 03/6/2020 của trẻ N có sự chứng kiến của bà D, trẻ Ngân có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ.

+ Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn là bà Trần Thị Tố D: Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, bà D khai hiện tại trẻ Ngân do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, hàng ngày bà D vẫn đưa đón con đi học và ngủ cùng mẹ từ nhỏ, kể cả khi vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Khi bạn C tác động xuất thì bà có gửi bé cho bên nội là cô ruột của cháu Ngân trông giúp. Do đó, nên nay ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, bà D cung cấp cho Tòa án Bảng thanh toán lương tại nơi C tác để chứng tỏ đủ thu nhập thường xuyên để bảo đảm cho việc nuôi dưỡng con chung. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, việc giao trẻ Ngân cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của trẻ Ngân và phù hợp với điều kiện sống hiện nay của trẻ nên Hội Đồng xét xử quyết định giao trẻ Ngân cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông C cho đến khi có đơn yêu cầu của bà D.

+ Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bị đơn là ông Nguyễn Thành C: Căn cứ chứng cứ do bà D giao nộp là đơn mượn tiền ghi ngày 27/5/2013 ghi nhận ông C có nợ bà Trần Thị Tố U 115.000.000đồng, mỗi tháng trả 3.000.000đồng vào ngày 30, trong đơn này có nội dung ghi nhận ý kiến ông C như sau:... *“nếu tôi không trả được nợ thì bé Nguyễn Trần Khánh N sẽ do chị Trần Thị Tố U nuôi tôi sẽ không can thiệp...”*. Như vậy việc bà D khai ông C gây nợ nần là có cơ sở. Đồng thời ông C cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc có thu nhập thường xuyên để bảo đảm cuộc sống cho con chung nên việc giao trẻ Ngân cho ông C nuôi dưỡng sẽ làm sáo trộn cuộc sống ổn định hiện nay và không đúng nguyện vọng của bé. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông Nguyễn Thành C.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Trần Thị Tố D chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tố D:

Bà Trần Thị Tố D, sinh năm 1983 được ly hôn với ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1983.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 25/3/2012.

Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Trần Khánh N của Bà Trần Thị Tố D. Giao trẻ Nguyễn Trần Khánh N cho bà Trần Thị Tố D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Thành C cho đến khi có yêu cầu của bà D.

Không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Trần Khánh N của ông Nguyễn Thành C.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí HNGĐST: Bà Trần Thị Tố D phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0077871 ngày 23/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà D đã nộp xong án phí HNGĐST.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKDND H.H;
- Chi cục THADS H.H;
- UBND xã XTĐ,  
huyện H;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Yến Ngọc**